

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-PT
Ngày: 30/01/2024
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tính.

Các Thẩm phán: Ông Cao Việt Hoàng.

Bà Nguyễn Thị Minh Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Thân Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2023/TLPT-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 44/2023/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Du bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 17/2023/QĐ-PT ngày 05 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn PT, xã PT, huyện TD, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L (tức Nguyễn Thành L), sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn PT, xã PT, huyện TD, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của anh L: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Thôn ĐB, xã NK, huyện ĐA, TP Hà Nội (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam do ông Đinh Văn L - Giám đốc PGD Chợ Sơn Ngân

hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tiên Du Bắc Ninh II đại diện theo ủy quyền lại (có mặt).

Bà Vương Thị H, sinh năm 1956; chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1982; anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1978; anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1980.

Đều trú tại: Thôn PT, xã PT, huyện TD, tỉnh Bắc Ninh. (đều vắng mặt).

Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1958 và anh Nguyễn Văn LuY, sinh năm 1981 (bà M có mặt, anh LuY vắng mặt).

HKTT tại: Thôn PT, xã PT, huyện TD, tỉnh Bắc Ninh.

Văn phòng công chứng Nguyễn Minh Đ do ông Nguyễn Minh Đ - Trưởng Văn phòng đại diện theo pháp luật; địa chỉ: Đường Trần Phú kéo dài, phường Đình Bảng, Thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn, chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị kết hôn với anh L năm 1999 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phất Tích, huyện Tiên Du. Sau khi kết hôn chị về sống chung cùng gia đình chồng. Cuộc sống vợ chồng ổn định. Năm 2011 anh L đi xuất khẩu lao động tại Hn Quốc đến tháng 12 năm 2022 anh L về nước. Quá trình anh L đi lao động, tháng 4 năm 2021 con gái lớn lấy chồng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh L không đồng ý cho con cưới mà bắt chờ anh ấy về tổ chức trong khi không biết đến ngày anh L về. Mọi người trong gia đình anh L thuyết phục mãi và sau đó chị vẫn quyết định cho con tổ chức nên từ đó anh L hay điện thoại về chửi bới chị. Con chị cưới được khoảng 01 tuần thì dịch cô vít bùng nổ anh L cũng không gửi được tiền về chăm lo cho gia đình cho đến cuối 2022 anh về nước. Anh L đi gần 12 năm chị rất nhiều lần yêu cầu anh L về nước nhưng anh L không chịu về chị cũng không biết L do tại sao. Thời gian anh L đi nước ngoài, một mình chị ở nhà chăm lo mọi việc từ gia đình nhà chồng đến con cái ở nhà. Khi anh L về nước vợ chồng luôn mâu thuẫn cãi vã. Nguyên nhân cãi vã một phần do kinh tế, một phần cứ hễ vợ chồng cãi vã là anh L bắt chị làm đơn ly hôn. Không chỉ cãi vã, anh L còn đánh, đuổi chị nên chị mới phải đi ra nhà con gái ở nhờ. Chị và anh L xa nhau gần 12 năm vợ chồng đã không gần gũi thân mật một mình lo lắng cho gia đình con cái mặc dù anh L có gửi kinh tế về hỗ trợ chăm lo cuộc sống gia đình nhưng tình cảm vợ chồng không hề có sự bù đắp, công việc gia đình một thân một mình tự lo toan nhưng đến khi anh

L về thì không chia sẻ với chị mà còn cư xử quá đáng rồi đuổi chị ra khỏi nhà, đánh, đe dọa chị mọi người trong gia đình đều biết, thậm chí còn vu vạ chị có quan hệ bất chính để bôi nhọ chị. Bản thân chị suy nghĩ rất nhiều, vì chồng và gia đình chị đã hy sinh tình cảm trong nhiều năm qua nhưng đổi lại là cách cư xử quá đáng của anh L khi anh ấy về nước. Tình cảm vợ chồng đã giảm sút nhiều khi cuộc sống xa cách nhưng giờ lại nguội lạnh hẳn khi chị phải gánh chịu cách cư xử vô cảm của anh L. Đến nay không còn tình cảm với anh L, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung: Nguyễn Thị Thu Trang, sinh ngày 13/01/2001; Nguyễn Thị T L, sinh ngày 28/7/2003; Nguyễn Anh T, sinh ngày 05/8/2007. Cháu Trang và L đã trưởng thành. Còn cháu T, sinh ngày 05/8/2007. Chị sẽ nuôi cháu T và không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng. Chị hiện đang bán hàng online thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng nên đủ điều kiện nuôi con.

Tài sản chung, công nợ: Khi làm đơn ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản công nợ, tuy nhiên phía anh L có đơn yêu cầu chia tài sản nên chị đã làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết toàn bộ các tài sản còn lại của vợ chồng cụ thể: Chị yêu cầu bổ sung việc giải quyết phân chia đối với các tài sản: 01 xe máy Honda Lead; 01 bộ bàn ghế gỗ hương mua năm 2019; 01 tủ kệ gỗ vtuY; cặp lộc bình gỗ; cuốn thư câu đối thờ; tủ quần áo 03 buồng; 02 máy điều hòa; tủ lạnh; 01 vtuY (không nhớ nhãn hiệu vì anh L đã mang giấu các tài sản này); 01 giường gỗ.

Bị đơn, anh Nguyễn Văn L (đồng thời là đại diện theo ủy quyền của bà M, anh LuY) trình bày: Anh xác nhận chị L trình bày về thời gian vợ chồng kết hôn và hoàn cảnh sống của vợ chồng là đúng. Thời gian anh đi lao động tại Hn Quốc vợ chồng vẫn L lạc bình thường. Tháng 12/2022 anh về nước thì vợ chồng mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị L không còn tình cảm với anh, không muốn chung sống với chồng con và bỏ ra ngoài ở anh cũng không biết nguyên nhân vì sao. Anh không muốn vợ chồng ly hôn nhưng thời gian qua khi Tòa án giải quyết vụ án anh nhận thấy rõ tình cảm vợ chồng không còn, anh cũng không chấp nhận được cách cư xử của chị L với anh và gia đình anh và nhất là đến nay anh nhận thức rõ được tính cách chị L và không chấp nhận được một người vợ như chị L, tuy nhiên anh chỉ đồng ý ly hôn nếu chị L trả lại toàn bộ tài sản cho anh.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung như chị L khai là đúng. Hai con gái đã trưởng thành, con trai út là cháu T hiện đang học lớp 11. Khi vợ chồng ly hôn anh xin được tiếp tục nuôi con vì anh nhận thấy chị L không có tư cách để nuôi con.

Hiện tại anh chưa tìm được việc làm, anh vẫn là lao động tự do nhưng anh đảm bảo đủ điều kiện nuôi con và không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Trong đơn ly hôn của chị L không yêu cầu giải quyết về tài sản nên anh đã làm đơn yêu cầu giải quyết về tài sản cụ thể anh yêu cầu giải quyết các tài sản sau:

- Thừa đất số 436, tờ bản đồ 27 địa chỉ tại thôn Phạt Tích, xã Phạt Tích, huyện Tiên Du (đất đã cấp giấy chứng nhận tên hộ bà Vương Thị H); bà H đã làm giấy bán cho cô L nhưng số tiền cô L mua đất của bà H là tiền của anh gửi về và trong thủ tục giấy tờ bà H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do mọi người thống nhất để bà H đứng tên sau đó bà H sẽ làm thủ tục chuyển nhượng lại cho gia đình anh. Anh và cô L đang làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này tuy nhiên giờ cô L yêu cầu ly hôn thì cô L không được hưởng tài sản này vì cô L không có đóng góp gì. Đây là thửa đất được hình T từ nguồn tiền của anh nên anh yêu cầu tòa án tuyên bố anh là chủ sử dụng thửa đất để anh được làm thủ tục đứng tên cá nhân đối với thửa đất này;

- Lô đất số 53 khu C thôn Phạt Tích, xã Phạt Tích, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh mới đóng tiền đất được khoảng 90.000.000 đồng còn lại khoảng hơn 400.000.000 đồng chưa đóng nên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; số tiền 90.000.000 đồng đã đóng là tiền anh gửi về; lô đất này là của anh bỏ tiền mua nên anh yêu cầu tòa án xác nhận đây là tài sản của anh và anh sẽ có trách nhiệm hoàn tất thủ tục nộp nốt tiền với NH nước để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh;

- Thửa đất 211 tờ bản đồ 27 diện tích 171m² tại thôn Phạt Tích, xã Phạt Tích, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh; nguồn gốc đất là của bố mẹ anh trước đây làm thủ tục tặng cho vợ chồng anh sau đó cô L làm thủ tục đứng tên một mình cô ấy nên hiện tại chủ sử dụng thửa đất tên “Bà Nguyễn Thị L” Trên thửa đất có 01 ngôi NH cấp 4; tài sản này bố mẹ anh cho vợ chồng anh nhưng giờ cô L yêu cầu ly hôn thì anh yêu cầu cô L làm thủ tục trả lại anh thửa đất này;

- Lô đất số 30 tại khu B thôn Phạt Tích, xã Phạt Tích, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh (lô đất này anh cũng gửi tiền về cho chị L mua, anh không nhớ rõ là gửi bao nhiêu vì cứ tổng tiền anh gửi về còn mua đất đai như thế nào chị L ở NH mua), lô đất này cô L đã bán nhưng thủ tục bán đề tên mẹ anh (bà Nguyễn Thị M) giá bán là 960.000.000 đồng tiền này mẹ anh đã đưa cô L giữ cả. Anh không có ý kiến gì về thủ tục bán đất mà anh chỉ yêu cầu giải quyết về số tiền bán thửa đất này. Khi bán thửa đất này cô L điện thoại bảo anh là giá bán là 960.000.000 đồng mà mẹ

anh nói đã bà chỉ đứng ra bán cho ông Chúc trên giấy tờ thôi còn tiền bà đưa cho cô L giữ toàn bộ nên anh yêu cầu cô L trả lại anh toàn bộ số tiền như cô L thông báo qua điện thoại với anh là 960.000.000 đồng;

- Số tiền bán phần diện tích đất dôi dư của gia đình anh (cụ thể là 32,8m² cô L tự ý bán cho chị Hương). Về thủ tục giấy tờ bán là do mẹ anh trên hình thức đứng ra giao dịch bán nhưng tiền thì mẹ anh nói đã đưa lại cho cô L giữ hết số tiền này. Anh yêu cầu cô L phải trả lại số tiền là 114.800.000 đồng;

- Số tiền 100.000.000 đồng vào khoảng tháng 12/2022 khi đó anh về nước rồi và cô L bảo anh đưa tiền cho cô ấy trả nợ. Anh không biết cô L nợ gì thời gian đó vợ chồng vẫn bình thường nên anh trả hộ nhưng nếu đã ly hôn thì cô L phải tự chịu các khoản nợ cá nhân mình và anh yêu cầu cô L trả lại anh số tiền này;

Khi anh yêu cầu giải quyết về tài sản phía cô L cũng có đơn yêu cầu giải quyết bổ sung đối với các tài sản gồm: 01 xe máy Honda Lead; 01 bộ bàn ghế gỗ hương mua năm 2019; 01 tủ kệ gỗ vô tuY; cặp lộc bình gỗ; cuốn thư câu đối thờ; tủ quần áo 03 buồng; 02 máy điều H; tủ lạnh; 01 vô tuY (không nhớ nhãn hiệu); 01 giường gỗ. Các tài sản này là của bố mẹ anh cho anh nên là tài sản cá nhân anh, cô L không tạo dựng gì nên không có quyền đòi hỏi chia đối với các tài sản này.

Về công nợ: Khoản vay với Ngân Hng số tiền 500.000.000 đồng và tài sản thế chấp cho khoản vay là thửa đất 211. Anh xác định khoản vay này là của cá nhân chị L, chị L ở nH tự ý sử dụng chữ ký của anh để sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ tên hai vợ chồng sang tên một mình chị L để vay ngân Hng. Anh không biết việc chị L vay tiền, không đồng ý cho chị L vay tiền nên khoản vay này là cá nhân chị L phải trả không L quan đến anh, anh không đồng ý trả nợ cùng chị L và không đồng ý việc ngân Hng xử L tài sản thế chấp là thửa đất 211 và tài sản trên đất để thu hồi nợ vì đây là tài sản của cá nhân anh chị L không có quyền gì đối với khối tài sản nH đất này.

Ngân Hng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, ông Đinh Văn L trình bày: Bà Nguyễn Thị L là khách Hng của Ngân Hng, cụ thể: Tại hợp đồng tín dụng số 2605-LAV-202201678 ngày 29/8/2022 (và 02 văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng cấp tín dụng 10/01/2023 và 10/4/2023) giữa Agribank - Chi nhánh huyện Tiên Du Bắc Ninh II - PGD Chợ Sơn với bà Nguyễn Thị L; hạn mức cho vay: 500.000.000 đồng; mục đích vay: Kinh doanh giường trị liệu đá muối hồng; thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng.

Để đảm bảo cho khoản vay bà L đã thế chấp tài sản theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2605-LCL-202001668 đã ký ngày

24/09/2020 giữa bên nhận thế chấp là NHNN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh huyện Tiên Du Bắc Ninh - PGD Chợ Sơn, bên thế chấp là bà Nguyễn Thị L. Tài sản thế chấp là thửa đất 211 tờ bản đồ 27 địa chỉ tại thôn Phất Tích, xã Phất Tích, huyện Tiên Du diện tích 171m², GCNQSDĐ mang tên bà Nguyễn Thị L.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà L chấp Hng nghiêm chỉnh việc trả gốc và lãi theo quy định của Ngân Hng. Đến ngày 03/4/2023 bà L vi phạm việc trả nợ gốc. Ngân Hng đã thông báo đến bà L yêu cầu trả nợ theo quy định thì được biết hai bà L đang giải quyết ly hôn. Tháng 4/2023 Ngân Hng nhận được thông báo của Tòa án về việc ông Nguyễn Văn L là chồng bà L có đơn yêu cầu phân chia tài sản trong đó có nội dung L quan đến tài sản là thửa đất của bà L đang thế chấp với Ngân Hng. Ngày 21/4/2023, Ngân Hng đã có đơn khởi kiện gửi đến Tòa án yêu cầu chị L bà Nguyễn Thị L phải trả cho Ngân Hng nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Tiên Du Bắc Ninh II - PGD Chợ Sơn số tiền 503.010.273 đồng (trong đó nợ gốc 500.000.000 đồng và tiền phải trả lãi tính đến ngày 20/4/2023 là 3.010.273 đồng) và các khoản lãi phát sinh kể từ ngày 21/4/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ. Mức lãi theo quy định tại hợp đồng đã ký kết giữa bà L với ngân Hng.

Trường hợp bà Nguyễn Thị L không trả được nợ thì đề nghị Tòa án phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Ngân Hng là thửa đất số 211, tờ bản đồ số 27, diện tích 171 m², theo giấy chứng nhận số AK 586926, do UBND huyện Tiên Du cấp ngày 22/01/2008.

Bà Vương Thị H (đại diện của gia đình bà H) trình bày: Gia đình bà có đất ruộng bị thu hồi tại thôn Phất Tích, xã Phất Tích nên được cấp 35,9m² đất dân cư dịch vụ. Gia đình bà Nguyễn Thị Loan (chồng là ông Điện) là thông gia với gia đình bà và trước đó hai gia đình có đổi đất ruộng cho nhau nên khi phần đất ruộng của nH bà Loan bị thu hồi cấp được cấp 9,6m² đất dân cư dịch vụ thì phần đất dân cư dịch vụ đó thuộc quyền của gia đình bà. Tổng cộng tất cả gia đình bà có 45,5m². Toàn bộ phần đất này gia đình bà đã bán cho chị L (vợ anh L) giá 4.000.000 đồng/m² để gia đình chị L ghép đất. Bà chỉ biết là bán cho chị L còn về thủ tục giấy tờ như thế nào chị L tự làm. Vì gia đình bà có đất dân cư dịch vụ nên thủ tục giấy tờ chị L lấy tên bà đứng tên thửa đất chứ thực tế thửa 436 là của vợ chồng chị L và gia đình bà chỉ bán cho chị L 45,5m² trong thửa đất này nên gia đình bà đã viết lại giấy tờ bán cả thửa đất này cho chị L để sau này vợ chồng chị L làm thủ tục sang tên thửa đất.

Đại diện Văn phòng công chứng Nguyễn Minh Đ do ông Nguyễn Minh Đ trình bày: Qua tra cứu L trữ tài liệu tại Văn phòng công chứng Nguyễn Minh Đ thể hiện việc L trữ hồ sơ “Văn bản thỏa thuận tài sản chung vợ chồng” lập ngày 28/8/2020 của ông Nguyễn Văn L sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị L sinh năm 1978 cùng có HKTT tại thôn Phật Tích, xã Phật Tích, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Văn phòng đã sao toàn bộ hồ sơ cho Tòa án. Hồ sơ của vợ chồng chị L được lập bởi anh Đỗ Văn Phú. Tuy nhiên, từ đầu năm 2023 anh Phú đã thôi việc, đến nay anh Phú làm ở đâu thì Văn phòng không nắm được. Thời điểm anh Phú đến văn phòng xin việc là do biết thông tin tuyển dụng của văn phòng, khi tuyển dụng văn phòng chỉ nhận nhân viên khi họ đáp ứng đủ điều kiện về bằng cấp và văn phòng ký kết hợp đồng lao động theo thời hạn 03 tháng, 06 tháng hoặc 01 năm. Văn phòng công chứng xác định thủ tục văn bản văn phòng công chứng đều thực hiện đúng trình tự quy định. Văn phòng công chứng đã được Tòa án thông báo về các tài liệu chứng cứ và các nội dung trong hồ sơ và không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Quá trình làm việc chị L có trình bày bổ sung: Về tình cảm vợ chồng, con chung chị vẫn giữ nguyên quan điểm. Về tài sản anh L yêu cầu giải quyết chị xác định các thửa đất 436, 211 lô đất 53 là tài sản chung của vợ chồng không phải của cá nhân anh L nên nếu anh L yêu cầu giải quyết thì quan điểm của chị đề nghị Tòa án phân chia theo quy định pháp luật.

Về giá trị bán lô đất 30 cho ông Chúc là 860.000.000 đồng chứ không phải là 960.000.000 đồng và số tiền 114.800.000 đồng bán 32,8m² đất dôi dư cho chị Hương toàn bộ các việc bán đất cho ông Chúc, chị Hương là giao dịch cá nhân giữa bà M và ông Chúc, chị Hương; chị không cầm tiền bà M đưa nên nếu anh L đòi các số tiền này thì gặp bà M giải quyết.

Số tiền 100.000.000 đồng anh L đã chi trả cùng chị về nợ nần gia đình khi anh về nước nay chỉ vì vợ chồng ly hôn anh đòi chị trả số tiền này là không có căn cứ.

Đối với các tài sản gồm: 01 xe máy Honda Lead; 01 bộ bàn ghế gỗ hương mua năm 2019; 01 tủ kệ gỗ vô tuY; cặp lộc bình gỗ; cuốn thư câu đối thờ; tủ quần áo 03 buồng; 02 máy điều H; tủ lạnh; 01 vô tuY (không nhớ nhãn hiệu); 01 giường gỗ. Các tài sản này là của chị tạo dựng chứ không phải tài sản bố mẹ chồng cho như anh L nói nên đề nghị tòa án phân chia theo pháp luật.

Về khoản nợ với ngân Hng: Chị đề nghị Ngân Hng cho chị chịu trách nhiệm một mình về khoản nợ này và bản thân chị xác định mình có đủ khả năng trả nợ

cho ngân Hng; đề nghị Ngân Hng không yêu cầu giải quyết về tài sản thế chấp của chị vì việc chị lập Văn bản thỏa thuận tại Văn phòng công chứng là không hợp pháp nên việc chị ký kết hợp đồng thế chấp với Ngân Hng trên cơ sở giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên mình chị cũng là không hợp lệ. Đề nghị Tòa án tuyên hủy “Văn bản thỏa thuận tài sản chung vợ chồng” mang tên chị và anh L lập vào ngày 28/8/2020 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Minh Đ, chị không yêu cầu giải quyết hậu quả của việc hủy văn bản công chứng; chị xác nhận thửa đất số 211 tờ bản đồ 17 tại thôn Phật Tích, xã Phật Tích, huyện Tiên Du là tài sản chung của chị và anh Nguyễn Văn L. Đề nghị Ngân Hng cho phép chị được nhận toàn bộ trách nhiệm trả nợ khoản vay nợ gốc là 500.000.000 đồng và các khoản lãi theo quy định.

Ông Đinh Văn L cũng có lời khai trình bày bổ sung: Đối với ý kiến chị L trình bày về nội dung vay và thế chấp tài sản tại Ngân Hng, Ngân Hng nhất trí việc chị L tự nguyện chịu trách nhiệm toàn bộ về khoản vay của chị đã ký kết với ngân Hng tại hợp đồng tín dụng số 2605-LAV-202201678 ngày 29/8/2022; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cấp tín dụng số 01/2605LAV202201678 lập ngày 10/01/2023; văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cấp tín dụng số 02/2605LAV202201678 lập ngày 10/4/2023 với số nợ gốc là 500.000.000 đồng và các khoản lãi theo quy định của ngân Hng đến khi chị L trả hết nợ. Việc chị L trình bày sự thật về nội dung Văn bản thỏa thuận của chị và anh L lập tại Văn phòng công chứng Nguyễn Minh Đ dẫn đến việc ảnh hưởng đến nội dung chị L ký kết hợp đồng thế chấp tài sản với ngân Hng không hợp pháp. Ngân Hng nhất trí việc chị đề nghị Tòa án hủy “Văn bản thỏa thuận tài sản chung vợ chồng” lập vào ngày 28/8/2020 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Minh Đ. Việc chị L xác nhận thửa đất số 211 tờ bản đồ 17 tại thôn Phật Tích, xã Phật Tích, huyện Tiên Du là tài sản chung của chị và anh Nguyễn Văn L ngân Hng cũng nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết về khối tài sản chung này của vợ chồng anh chị; Ngân Hng không yêu cầu giải quyết về hậu quả của việc hủy hợp đồng này.

Quá trình giải quyết vụ án, chị L nhất trí giao các tài sản này cho anh L tiếp tục quản lý sử dụng mà không yêu cầu trích chia phần giá trị tài sản gồm: 01 xe máy Honda Lead; 01 bộ bàn ghế gỗ hương mua năm 2019; 01 tủ kệ gỗ vô tuY; cặp lộc bình gỗ; cuốn thư câu đối thờ; Tủ quần áo 03 buồng; 02 máy điều hòa; Tủ lạnh; 01 vô tuY; 01 giường gỗ.

Anh L nhất trí việc hủy Văn bản của phòng công chứng vì nội dung văn bản này chị L tự ý làm không có sự nhất trí của anh. Anh nhất trí việc ngân Hng đồng ý hủy hợp đồng thế chấp và không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp đối với thửa đất số

211 và tài sản trên đất. Anh yêu cầu chị L phải làm thủ tục trả lại tài sản này cho mẹ anh vì nguồn gốc tài sản là của bố mẹ anh.

Với nội dung trên, tại bản án sơ thẩm số: 44/2023/HNGĐ-PT ngày 20 tháng 09 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Du đã căn cứ vào các Điều 33, 51, 56, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, 147, 158, 165, 227, 239, 247, 254, 261, 262, 264, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 274, 275, 280, 327, 422, 423, 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 của Luật Ngân Hạng nước; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn L (tức Nguyễn T L).

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Anh T sinh ngày 05/8/2007 cho chị L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Việc cấp dưỡng nuôi con không đề cập giải quyết.

Anh L được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Hủy Văn bản thỏa thuận tài sản chung của ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị L lập ngày 28/8/2020 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Minh Đ; hủy Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ký kết giữa ngân Hạng và chị L (hợp đồng thế chấp 2605-LCL-202001668 ngày 24/9/2020 do Văn phòng công chứng Hùng Vương chứng thực số công chứng 2665/2020/HĐTC, quyền số 04/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/9/2020; tài sản thế chấp là thửa 211, tờ bản đồ 27 tại thôn Phật Tích, xã Phật Tích, huyện Tiên Du giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Nguyễn Thị L).

Xác nhận thửa đất 211, tờ bản đồ 27 tại thôn Phật Tích, xã Phật Tích, huyện Tiên Du giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Nguyễn Thị L cùng tài sản trên đất; thửa đất 436 bản đồ 27 tại thôn Phật Tích, xã Phật Tích, huyện Tiên Du giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà Vương Thị H; lô 53 khu C thôn Phật Tích, xã Phật Tích, huyện Tiên Du cùng các tài sản: 01 xe máy Honda Lead; 01 bộ bàn ghế gỗ hương mua năm 2019; 01 tủ kệ gỗ vô tuY; cặp lộc bình gỗ; cuốn thư câu đối thờ; tủ quần áo 03 buồng; 02 máy điều H; tủ lạnh; 01 vô tuY (không nhớ nhãn hiệu); 01 giường gỗ là các tài sản chung của anh L và chị L.

Giao cho anh L quyền sử dụng thửa 211, tờ bản đồ 27 tại thôn Phật Tích, xã Phật Tích, huyện Tiên Du giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Nguyễn Thị L (tài sản trên đất gồm 02 nH cấp 4; khu vệ sinh và cây trồng); thửa

436 tờ bản đồ 27 tại thôn Phật Tích, xã Phật Tích, huyện Tiên Du giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà Vương Thị H; anh L tiếp tục được sở hữu các tài sản: 01 xe máy Honda Lead; 01 bộ bàn ghế gỗ hương mua năm 2019; 01 tủ kệ gỗ vô tuY; cặp lộc bình gỗ; cuốn thư câu đối thờ; tủ quần áo 03 buồng; 02 máy điều H; tủ lạnh; 01 vô tuY (không nhớ nhãn hiệu); 01 giường gỗ.

Giao cho chị L quyền sử dụng Lô 53 khu C thôn Phật Tích, xã Phật Tích, huyện Tiên Du (chị L có trách nhiệm nộp số tiền hạ tầng là 403.416.000 đồng).

Anh L phải trích trả phần giá trị chênh lệch tài sản cho chị L với số tiền là 1.400.000.000 đồng.

Chị L và anh L được quyền L hệ với cơ quan chức năng hoàn tất thủ tục chính L, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất ở được giao theo quy định pháp luật.

Bác yêu cầu của anh L về việc đòi số tiền 960.000.000 đồng; 100.000.000 đồng và 114.800.000 đồng.

Về công nợ: Chị Nguyễn Thị L có trách nhiệm trả nợ toàn bộ cho Ngân Hng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 20/9/2023 là 526.613.698đ và các khoản lãi tiếp theo kể từ ngày 21/9/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ (khoản nợ và lãi theo hợp đồng tín dụng số 2605-LAV-202201678 ngày 29/08/2022 và 02 văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng cấp tín dụng 10/01/2023 và 10/4/2023) giữa Agribank chi nhánh huyện Tiên Du Bắc Ninh II - PGD Chợ Sơn với bà Nguyễn Thị L).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi Hnh án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26/9/2023, anh Nguyễn Văn L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự không H giải được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Trong phần tranh luận, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét việc anh L chuyển tiền về Việt Nam cho chị L đã được Tòa án yêu cầu ngân Hng cung cấp nhưng vẫn chưa đầy đủ; việc bán đất thì bà M đã đưa tiền cho chị L nên chị L phải trả lại anh L; đề nghị Tòa án xem xét việc thu thập thêm việc sao kê của 02 ngân Hng.

Anh Nguyễn Văn L bổ sung phần tranh luận của người đại diện theo ủy quyền đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về thửa đất dân cư dịch vụ gồm lô 53 khu C và lô 436.

Chị Nguyễn Thị L tham gia tranh luận đề nghị xem xét toàn bộ phần đất dịch vụ là do chị mua, giấy tờ mua đất đã nộp cho cấp sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị M, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tranh luận cho rằng phần đất dân cư dịch vụ đã có danh sách của xã; đối với thửa đất số 211 vợ chồng bà đã cho anh L, chị L nhưng nay anh chị không ở được với nhau thì trả lại bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đảm bảo đúng quy định của pháp luật; về việc chấp hành pháp luật của các đương sự đều đảm bảo thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Văn L nộp trong thời hạn luật định nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Chị Nguyễn Thị L kết hôn với anh Nguyễn Văn L năm 1999 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, hôn lễ được tổ chức theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phật Tích, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Hôn nhân của chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn L là hôn nhân hợp pháp nên Tòa án cấp sơ thẩm thụ L giải quyết là có căn cứ.

[3]. Xét kháng cáo của anh Nguyễn Văn L:

[3.1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn L kháng cáo không đồng ý với toàn bộ nội dung của bản án sơ thẩm, với L do Thẩm phán chủ tọa phiên tòa không cho người đại diện theo ủy quyền của anh tham gia phiên tòa, không tiến hành thu thập chứng cứ về việc anh gửi tiền về qua ngân hàng, không đưa ông Nguyễn Xuân Chức vào tham gia phiên tòa để làm rõ việc mua bán đất; việc Thẩm phán mới cung cho chị L, đề nghị Tòa án xem xét.

Hội đồng xét xử thấy: Thứ nhất, về người đại diện theo ủy quyền của anh L là ông Nguyễn Văn T, theo bản án sơ thẩm và biên bản phiên tòa thể hiện ông T có mặt tại phiên tòa và cùng với anh L thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự, do đó anh L cho rằng Thẩm phán chủ tọa phiên tòa sơ thẩm không cho người đại diện theo ủy quyền của anh tham gia trong vụ án là không có căn cứ; thứ hai, về việc thu thập các tài liệu, chứng cứ L quan đến việc anh gửi tiền về cho gia đình từ năm 2011 đến khi anh về nước. Xét thấy đây là nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ của anh L để chứng minh cho yêu cầu của đương sự. Tuy nhiên, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa Ngân Hng TNHH MTV Sinhhan Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh và đại diện Ngân Hng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tiên Du Bắc Ninh II (Phòng giao dịch chợ sơn) đã cung cấp sao kê 02 tài khoản của chị Nguyễn Thị L tại ngân Hng; thứ ba, việc không đưa ông Nguyễn Xuân Chức vào tham gia trong vụ án để làm rõ việc mua bán lô đất 30 tại khu B thôn Phất Tích thì trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành làm việc với ông Chức, ông Chức xác nhận mua lô đất của bà M và bà M trình bày việc bán đất đã nói chuyện cho anh L, do anh L đi nước ngoài không có nH thì chị L phải ký làm chứng việc mua bán đất giữa ông và bà M. Giá ông mua là 860.000.000 đồng. Do đó kháng cáo về nội dung này của anh L không có cơ sở chấp nhận; đối với nội dung kháng cáo cho rằng Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đã mớm cung cho chị L, tuy nhiên anh L không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh, nên kháng cáo của anh không có cơ sở chấp nhận.

[3.2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị L trình bày cuộc sống vợ chồng chị thực sự xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng sống xa cách lâu khiến tình cảm vợ chồng giảm sút nhưng khi có điều kiện gần nhau thì anh L không những không bù đắp tình cảm cho chị mà còn gây sự chửi, đánh chị khiến chị không chịu được phải đi ở nhờ nH con gái. Phía anh L xác nhận khi anh về nước thì vợ chồng mâu thuẫn nhưng nguyên nhân mâu thuẫn là do chị L không còn tình cảm với anh, không muốn sống chung với anh bỏ ra ngoài ở mà anh không biết nguyên nhân. Tuy nhiên, trong quá trình Tòa án giải quyết việc ly hôn, anh L đồng ý chị L nhưng yêu cầu chị L phải trả lại anh toàn bộ tài sản. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh L là có thực. Mức độ mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể duy trì, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên bản án sơ thẩm xử cho chị L được ly hôn anh L là có căn cứ.

[3.3]. Về con chung: Anh chị có 03 con chung là: Nguyễn Thị Thu Trang, sinh ngày 13/01/2001; Nguyễn Thị T L, sinh ngày 28/7/2003 và Nguyễn Anh T, sinh ngày 05/8/2007. Hai cháu Trang và L đã trưởng T; còn cháu T, sinh ngày 05/8/2007. Chị L

và anh L đều có nguyện vọng muốn nuôi cháu T. Bản án sơ thẩm xem xét về thực tế chị L và anh L đều là lao động tự do. Chị L bán Hng online thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng còn anh L lao động tự do ai thuê gì làm đấy. Về điều kiện, hoàn cảnh của anh L và chị L chỗ ở đều chưa ổn định, anh L nhiều năm sống xa Việt Nam mới về nước hơn nửa năm nay còn cháu T từ nhỏ đến nay đều do chị L chăm sóc nuôi dưỡng. Tại phiên tòa phúc thẩm anh L đồng ý để chị L nuôi cháu T và hiện cháu T đang trong giai đoạn hoàn T việc học 02 năm cuối cấp 3 nên xét thấy để ổn định việc chăm sóc cho cháu nên bản án sơ thẩm đã xử đã giao cháu T cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp

[3.4]. Về tài sản chung và công nợ:

- Đối với Thửa đất 211 tờ bản đồ 27 diện tích 171m² tại thôn Phật Tích, xã Phật Tích, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho “Bà Nguyễn Thị L” (gọi tắt là thửa 211) và khoản nợ Ngân Hng L quan đến khối tài sản này:

Xét về nguồn gốc của thửa đất 211 chị L và anh L đều xác nhận thửa đất có nguồn gốc là của bố mẹ anh L cho vợ chồng anh chị và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị L, nội dung này các bên đương sự đều thừa nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Nguyễn Thị M (mẹ đẻ anh L và là mẹ chồng chị L) cũng xác nhận đã cho vợ chồng anh L, chị L nhưng nay anh chị không ở được với nhau thì bà đề nghị được giữ lại làm nơi thờ cúng. Anh L, chị L đã sử dụng tài sản này đem thế chấp cho người thứ ba là vợ chồng bà Thoa, ông Hiệp vay vốn ngân Hng. Sau đó ông Hiệp, bà Thoa không trả nợ được ngân Hng thì chị L đã phải đứng ra trả nợ trên của ông Hiệp, bà Thoa. Bản án sơ thẩm nhận định đây là tài sản chung của vợ chồng anh L và chị L nên đã tuyên hủy Văn bản thỏa thuận tài sản chung của anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị L lập ngày 28/8/2020 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Minh Đ; hủy Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ký kết giữa Ngân Hng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam và chị L (hợp đồng thế chấp 2605-LCL-202001668 ngày 24/9/2020 do Văn phòng công chứng Hùng Vương chứng thực số công chứng 2665/2020/HĐTC, quyền số 04/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/9/2020; tài sản thế chấp là thửa 211, tờ bản đồ 27 tại thôn Phật Tích, xã Phật Tích, huyện Tiên Du giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Nguyễn Thị L) là có căn cứ pháp luật.

- Đối với thửa đất số 436, tờ bản đồ 27, địa chỉ tại thôn Phật Tích, xã Phật Tích, huyện Tiên Du, thửa đất được cấp giấy chứng nhận tên hộ bà Vương Thị H

(gọi tắt là thửa số 436); Lô đất số 53 khu C thôn Phật Tích, xã Phật Tích, huyện Tiên Du (gọi tắt là Lô 53); Giá trị của Lô đất số 30 tại khu C thôn Phật Tích, xã Phật Tích, huyện Tiên Du (gọi tắt là Lô 30); giá trị của 32,8m² đất dôi dư đã bán cho chị Hương. Thực tế các tài sản này được hình T từ việc ghép các định suất đất giãn dân của gia đình anh L được cấp và chị L mua thêm.

Anh L cũng thừa nhận việc chị L mua nhưng nguồn tiền là do anh gửi về, chứ chị L không có đóng góp gì về kinh tế, nên anh đề nghị Tòa án xác định anh được quyền sở hữu đối với thửa đất số 436 và lô 53, còn đối với lô 30 và diện tích 32,8m² đất chị L đã bán thì chị L phải trả lại số tiền này cho anh.

Chị L có thừa nhận anh L đi nước ngoài có gửi tiền về hỗ trợ tạo dựng kinh tế, tuy nhiên không chỉ có mình anh L tạo dựng kinh tế, mà chị ở nH cũng phải kinh doanh, buôn bán tích góp để trang trải cuộc sống, lo toan cho các con và gia đình chồng và mua bán các định suất đất để tạo dựng được các thửa đất như hiện nay, chị không đồng ý với yêu cầu của anh L. Xét thấy, mặc dù anh L có gửi tiền về gia đình để hỗ trợ kinh tế, tuy nhiên chị L cũng có nhiều công sức và đóng góp trong việc tạo dựng kinh tế gia đình chung, là công sức chung của cả anh L và chị L trong thời kỳ hôn nhân, nên cần xác định thửa đất số 436 và lô 53 là tài sản chung của anh L và chị L.

- Đối với lô đất 30 và diện tích đất 32,8m², chị L và bà M (mẹ anh L) đều thừa nhận: Chị L gặp được lô 30, bà M gặp được lô 53. Sau đó bà M và chị L hoán đổi đất cho nhau, bà M bán lô 30 cho ông Chúc. Ông Chúc cũng xác nhận ông mua lô đất số 30 của bà M bán với giá 860.000.000 đồng và chị L ký cùng bà M với tư cách là người làm chứng. Còn đối với diện tích đất 32,8m² đã bán cho chị Hương với giá 114.800.000 đồng là đất dôi dư của các định suất đất giãn dân mà gia đình bà M được cấp cùng với do hoán đổi đất mà có.

Anh L không có ý kiến gì về việc hoán đổi đất, anh chỉ yêu cầu chị L trả lại cho anh số tiền bán các diện tích đất này. Anh yêu cầu chị L trả anh số tiền bán lô đất 30 là 960.000.000 đồng, anh không đồng ý giá theo giấy tờ và như ông Chúc trình bày là 860.000.000 đồng. Anh L thừa nhận mẹ anh là người đứng ra ký kết các giấy tờ, thủ tục bán đất cho ông Chúc và chị Hương, tuy nhiên sau khi bán, mẹ anh đã giao toàn bộ khoản tiền bán đất này cho chị L, nên anh yêu cầu chị L phải trả lại anh số tiền bán đất vì đây là định suất đất của gia đình anh, chị L không có đóng góp gì. Còn chị L trình bày mọi giao dịch mua bán lô đất 30 và diện tích đất 32,8m² là do bà M thực hiện, chị không cầm tiền bà M đưa.

Anh L yêu cầu chị L trả tiền nhưng anh không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh việc mẹ anh giao tiền cho chị L nên yêu cầu của anh không có căn cứ để chấp nhận.

- Đối với số tiền 100.000.000 đồng anh L đưa cho chị L để trả khoản vay của anh Bé (anh Ngô Đắc Tỷ). Anh L yêu cầu chị L trả lại cho anh số tiền này, vì cho rằng khoản tiền đó chị L nợ thì tự trả. Chị L xác nhận khoản nợ đó là nợ trong việc chị lo toan công việc gia đình, khi anh L vừa về nước thì anh Bé có đến đòi nợ nên anh L đã đưa số tiền đó để trả cho anh Bé. Xét thấy việc anh L chi trả khoản nợ trên là hoàn toàn tự nguyện và khoản nợ hiện được thanh toán xong trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp giữa anh L, chị L nên bản án sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của anh L là có căn cứ pháp luật.

- Đối với các tài sản gồm: 01 xe máy Honda Lead, 01 bộ bàn ghế gỗ hương mua năm 2019, 01 tủ kệ gỗ vớ tuY, 01 cặp lộc bình gỗ, 01 cuốn thư câu đối thờ, 01 tủ quần áo 3 buồng, 02 điều H, 01 tủ lạnh, 01 vớ tuY (không nhớ nhãn hiệu) và 01 giường gỗ. Tại phiên tòa, chị L đồng ý tiếp tục giao cho anh L quản L, sử dụng, không đề nghị phân chia, xét đây là sự tự nguyện của chị L nên bản án sơ thẩm giao cho anh L được tiếp tục sử dụng là phù hợp.

Xét thấy bản án sơ thẩm đã nhận định về tài sản chung của vợ chồng anh L, chị L để phân chia khi ly hôn gồm: Thửa đất số 211, thửa số 436 và lô 53; đồng thời xét thấy anh L là người có nhiều công sức trong việc tạo dựng tài sản và thửa đất số 211 có nguồn gốc là của bố mẹ anh cho vợ chồng anh, nên đã phân chia tài sản nhiều hơn so với chị L. Theo kết quả định giá, thửa đất số 211 và tài sản trên đất có giá trị là 3.420.000.000 đồng; thửa đất số 436 trị giá 2.430.000.000 đồng; lô 53 trị giá 2.970.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản là 8.820.000.000 đồng (trong đó bao gồm cả phần trị giá đất của lô 53 chưa đóng còn 403.416.000 đồng). Do vậy, bản án sơ thẩm đã xử giao cho anh L được quyền sử dụng thửa đất số 211 và 436 cùng tài sản trên đất; giao cho chị L được quyền sử dụng lô đất số 53 và có trách nhiệm nộp nốt số tiền hạ tầng của lô đất. Anh L có nghĩa vụ trích trả cho chị L giá trị chênh lệch tài sản là 1.400.000.000 đồng là phù hợp.

- Về công nợ: Chị L được nhận số tiền chênh lệch là 1.400.000.000 đồng do anh L trích trả nhưng phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân Hng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 526.613.698đ cùng số tiền lãi phát sinh từ ngày 21/9/2023.

Như vậy, anh L kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới tại cấp phúc thẩm nên không có cơ sở chấp nhận.

Về án phí: Anh L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn L, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 44/2023/HNGĐ-ST ngày 20/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Du.

Áp dụng các Điều 33, 51, 56, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 274, 275, 280, 327, 422, 423, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12 Luật Ngân Hng nH nước; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn L (tên gọi khác Nguyễn T L).

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Anh T sinh ngày 05/8/2007 cho chị L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Việc cấp dưỡng nuôi con không đề cập giải quyết.

Anh L được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Hủy Văn bản thỏa thuận tài sản chung của ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị L lập ngày 28/8/2020 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Minh Đ; hủy Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ký kết giữa ngân Hng và chị L (hợp đồng thế chấp 2605-LCL-202001668 ngày 24/9/2020 do Văn phòng công chứng Hùng Vương chứng thực, số công chứng 2665/2020/HĐTC, quyển số 04/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/9/2020; tài sản thế chấp là thửa 211, tờ bản đồ 27 tại thôn Phật Tích, xã Phật Tích, huyện Tiên Du giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thị L).

Xác nhận thửa đất 211, tờ bản đồ 27 tại thôn Phật Tích, xã Phật Tích, huyện Tiên Du giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên “Bà Nguyễn Thị L” cùng tài sản trên đất; thửa đất 436, tờ bản đồ 27 tại thôn Phật Tích, xã Phật Tích, huyện Tiên Du giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên “Hộ bà Vương Thị H”, lô 53 khu C thôn Phật Tích, xã Phật Tích, huyện Tiên Du cùng các tài sản: 01 xe máy Honda Lead; 01 bộ bàn ghế gỗ hương mua năm 2019; 01 tủ kệ gỗ vô tuY; cặp lộc bình gỗ; cuốn thư câu đối thờ; Tủ quần áo 03 buồng; 02 máy điều H; Tủ lạnh; 01

vô tuY (không nhớ nhãn hiệu); 01 giường gỗ là các tài sản chung của anh L và chị L.

Giao cho anh L quyền sử dụng thửa 211, tờ bản đồ 27 tại thôn Phạt Tích, xã Phạt Tích, huyện Tiên Du giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên “Bà Nguyễn Thị L” (tài sản trên đất gồm 02 nH cấp 4; khu vệ sinh và cây trồng); Thửa 436, tờ bản đồ 27 tại thôn Phạt Tích, xã Phạt Tích, huyện Tiên Du giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên “Hộ bà Vương Thị H”; anh L tiếp tục được sở hữu các tài sản: 01 xe máy Honda Lead; 01 bộ bàn ghế gỗ hương mua năm 2019; 01 tủ kệ gỗ vô tuY; cặp lộc bình gỗ; cuốn thư câu đối thờ; tủ quần áo 03 buồng; 02 máy điều H; tủ lạnh; 01 vô tuY (không nhớ nhãn hiệu); 01 giường gỗ.

Giao cho chị L quyền sử dụng Lô 53 khu C thôn Phạt Tích, xã Phạt Tích, huyện Tiên Du (chị L có trách nhiệm nộp số tiền hạ tầng là 403.416.000 đồng).

Anh L phải trích trả phần giá trị chênh lệch tài sản cho chị L với số tiền là 1.400.000.000 đồng.

Chị L và anh L được quyền L hệ với cơ quan chức năng hoàn tất thủ tục chính L, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất ở được giao theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi Hình án có quyền chủ động ra quyết định thi Hình án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi Hình án của người được thi Hình án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi Hình án) cho đến khi thi Hình án xong, bên phải thi Hình án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi Hình án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bác yêu cầu của anh L về việc đòi các số tiền 960.000.000 đồng; 100.000.000 đồng và 114.800.000 đồng.

4. Về công nợ: Chị Nguyễn Thị L có trách nhiệm trả nợ Ngân Hng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 20/9/2023 là 526.613.698đ và các khoản lãi tiếp theo kể từ ngày 21/9/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ (theo hợp đồng tín dụng số 2605-LAV-202201678 ngày 29/08/2022 và 02 văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng cấp tín dụng 10/01/2023 và 10/4/2023) giữa Agribank chi nhánh huyện Tiên Du Bắc Ninh II - PGD Chợ Sơn với bà Nguyễn Thị L).

5. Án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0002342 ngày 24/02/2023 của Chi cục thi Hình án huyện Tiên Du.

Chị L phải chịu 111.331.000 đồng án phí phân chia tài sản và 25.064.000 đồng án phí công nợ.

Anh L phải chịu 112.560.000 đồng án phí phân chia tài sản và 47.244.000 đồng án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận.

Chị L và anh L được đối trừ các khoản tạm ứng án phí đã nộp cụ thể: Anh L nộp 24.827.000 đồng tại biên lai số 0002398 ngày 13/4/2023 của Chi cục thi hành án huyện Tiên Du và 16.828.000 đồng tại biên lai số 0002403 ngày 17/4/2023 của Chi cục thi hành án huyện Tiên Du; chị L đã nộp 7.175.000 đồng tại biên lai 0002439 ngày 10/5/2023 của Chi cục thi hành án huyện Tiên Du;

Hoàn trả Ngân Hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam 1.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0002428 ngày 04/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Du.

Chi phí tố tụng: Anh L và chị L phải chịu 20.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản, cụ thể: Anh L phải chịu 14.000.000 đồng (xác nhận anh L đã nộp đủ); chị L phải trả anh L số tiền 6.000.000 đồng.

Anh Nguyễn Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm. Xác nhận anh L đã nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0002578 ngày 02/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Du.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND huyện Tiên Du;
- Chi cục THADS huyện Tiên Du;
- Các đương sự;
- L hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Tính

T viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Cao Việt H Nguyễn Thị Minh Thu

Nguyễn Văn Tính